TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2021/QĐST-HNGĐ	*TP. Ninh Bình, ngày 14 tháng 05 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 135, đường T, phố N, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã D, huyện X, thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số nhà 199, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 03/07/2010 và cháu Trần Ánh T1, sinh ngày 11/03/2013 cho chị Nguyễn Thị Bích N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Đ là 2.000.000 đồng/ 1 tháng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Trần Văn T không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000522 ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Anh Trần Văn T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích N 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- UBND xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Phương